

đám thịt nhão đâm đĩa máu. Mỗi người dân giành lấy một nắm chạy đi rải vào đồng ruộng, chuồng gia súc để cầu mong mọi vật sinh sôi nảy nở nhiều.]

Về mặt dân tộc học, người ta rút ra vài đặc tính đáng chú ý: dân Mĩ La tinh ít bảo thủ, nhạy bén, khí chất nồng nàn mãnh liệt đến độ bạo liệt, vừa “hiện sinh” lại vừa “cô đơn”, vừa hâm mộ khoa học lại vừa sùng tín đạo Thiên chúa, kể cả những nhà khoa học.

3.2 HAI DÒNG VĂN HỌC CHỦ YẾU Ở VÙNG MĨ LA TINH

3.2.1 Dòng văn học theo chủ nghĩa hiện thực nghiêm ngặt, tiếp nối truyền thống Tây Âu thế kỉ XIX

Khuynh hướng văn học này nối tiếp văn học hiện thực phê phán của Tây Âu thế kỉ XIX, tất nhiên phản ánh được hiện thực Nam Mĩ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. Truyện ngắn, đặc biệt tiểu thuyết có lối viết trong sáng, ngắn gọn, trực tiếp với lối viết quen thuộc. Nó miêu tả hiện thực Mĩ La tinh khá chính xác về chi tiết, bám sát địa bàn và sự kiện có thật, tất nhiên vẫn có hư cấu như mọi tiểu thuyết. Tiêu biểu là tiểu thuyết “Nô tì Isaura” của nhà văn Bernador, “Những con đường đói khát”, “Đất dữ”, “Ca cao”, “Miền đất quả vàng”, “Tereza” của George Amado. Bên cạnh đó, còn có những tác phẩm tiêu biểu của Gabriel Gaccia Marquez (Ngài đại tá chờ thư, Trăm năm cô đơn...), nhà văn Cuba Carpentier với truyện “Vương quốc trần gian”, thơ ca của Pablo Neruda v.v...

Nhìn chung, dòng văn học hiện thực phê phán Mĩ La tinh chưa có những cách tân đáng kể về thi pháp nhưng cũng có giá trị trình bày hiện thực tàn khốc của vùng đất và con người xứ sở này.

Nội dung chính là trình bày dòng văn học thứ hai: dòng văn học hiện thực huyền ảo cùng với phương thức sáng tạo nghệ thuật của nó.

Jorge Amado - vị hoàng đế của văn học Brazil

Trong lịch sử văn học Brazil, không có nhà văn nào nổi tiếng, có uy tín và nhiều độc giả như Jorge Amado. Bằng những tác phẩm văn học và hoạt động chính trị không mệt mỏi, nhà văn cộng sản này đã được sự ngưỡng mộ của tầng lớp người nghèo khổ, người da đen bị áp bức và cũng có không ít kẻ thù. Nhà văn nổi tiếng nhất Brazil với hơn 40 tác phẩm được dịch ra 54 thứ tiếng trên thế giới đã từ trần tại thành phố quê hương Salvador, bang Bahia, thọ 88 tuổi.

Nhân vật chính là nhân dân, hầu hết những tiểu thuyết của Jorge Amado đều được thai nghén tại thành phố Salvador, thủ phủ bang Bahia thuộc vùng Đông Bắc vốn là thủ đô của Brazil cho đến năm 1763.

Ra đời năm 1912 trong ngôi làng Ferradas, con một nông dân trồng ca cao, J. Amado trải qua thời thơ ấu trong một khu phố nghèo của Salvador mà mọi đường phố, ngôi nhà giờ đây vẫn gợi nhớ về quá khứ thuộc địa của Bồ Đào Nha từ thế kỷ 17. Hàng năm, hàng ngàn, hàng vạn người hâm mộ ông vẫn hành hương tới đây để được sống trong không khí mà nhà văn đã mô tả rất sống động trong các cuốn tiểu thuyết của ông. Năm 1989, trong một lần trả lời phỏng vấn, Jorde Amado bộc bạch:

Các cuốn sách của tôi đều nhằm tái tạo thực tế Brazil, tái tạo cuộc sống của nhân dân. Tất cả các chủ đề đều phát sinh từ thực tế. Các nhân vật của tôi đều từ nhân dân mà ra.

Là một nhà văn cộng sản kiên cường, hiến mình cho sự nghiệp giải phóng người nghèo khổ, Jorge Amado bắt đầu cuộc chiến đấu từ nghề làm báo năm 14 tuổi. 5 năm sau, ông xuất bản cuốn tiểu thuyết đầu tiên Đất nước ngày hội Carnival (1931) trong khi đang học luật tại Rio. Tuy nhiên, Amado không hề hành nghề luật sư mà tự nguyện đứng vào hàng ngũ Đảng Cộng sản Brazil, đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng người nghèo. Cho đến những năm 1950 của thế kỷ trước, hàng loạt tác phẩm của Amado viết về người nghèo đã ra đời như: Sertao, Cacao (1933), Mồ trôi (1934), Jubiala (1935), Biển chết (1936), Xứ Bahia của những vị thánh (1935) v.v... Đến cuối những năm 50, các tác phẩm của Amado có một bước ngoặt sang hướng trào lộng và phê phán mà ông tự nhận là theo chủ nghĩa hiện thực XHCN. Các cuốn tiểu thuyết Gabriela, Cravoe Canela (1958) hoặc Dona Flor và hai người chồng (1966) nói lên sức sống mãnh liệt của nhân dân Brazil. Đây là 2 cuốn tiểu thuyết được dịch ra nhiều thứ tiếng nhất trên thế giới, kể cả ở Việt Nam (cuốn Dona Flor và hai người chồng do NXB Đà Nẵng ấn hành năm 1987) và được dựng thành phim năm 1977 và 1984 do các nghệ sĩ tên tuổi Marcello Mastroianni và Sonia Braga thể hiện.

Là nghị sĩ cộng sản của bang Sao Paulo, Amado đã nhiều lần bị cầm tù và phải sống lưu vong nhiều năm ở nước ngoài, lần đầu tiên tại Argentina trong những năm đầu 1940, lần thứ hai năm 1946 và năm 1948 sang Paris, nơi đây ông gặp các nhà văn Pháp J. P. Sartre, Aragon và danh họa Tây Ban Nha Picasso. Năm 1950, ông sang Tiệp Khắc viết tác phẩm Thế giới và Hòa bình đoạt giải thưởng Hòa bình Quốc tế. Ông còn được nhiều giải thưởng khác trong đó có giải thế giới Cinodel Luca năm 1990.

Các tác phẩm hiện thực XHCN kiểu Brazil tố cáo những bất công xã hội mà Amado tâm đắc có *Những vùng đất tận cùng* thế giới và bộ tiểu thuyết 3 tập *Hầm ngầm của tự do*. Đó là những tác phẩm tâm huyết của Amado mà mọi sự hành hạ về thể xác và tinh thần của chế độ độc tài vẫn không thể làm nhà văn nhụt chí.

Đã nhiều lần được đề cử giải, nhưng do bị thành kiến, Amado chưa lần nào đoạt giải. Giải duy nhất cho đến nay dành cho một nhà văn tiếng Bồ Đào Nha là ông José Saramago. Năm 1998, đất nước Brazil của Amado là khách mời danh dự tham gia Hội chợ Triển lãm sách Paris trong đó tên tuổi Amado được tôn vinh xứng đáng. Sự có mặt của vị hoàng đế thành phố Salvador tại hội chợ được coi là một sự kiện có ý nghĩa. Những thành công của Amado có phần đóng góp không nhỏ của bà Zélia Gattai, người bạn đời cũng là một nhà văn và nhà trí thức có tên tuổi ở Brazil.

Những tác phẩm tiêu biểu của Amado đều được dịch và tái bản nhiều lần ở Liên Xô trước đây, được nhiều thế hệ độc giả ngưỡng mộ. Đúng như lời nhà văn Ilya Ehrenburg từng nói: Tất cả chúng ta đều yêu mến Jorge Amado. Chúng ta hết sức tôn trọng ông. Độc giả Xô Viết coi tác phẩm Hầm ngầm của tự do như bộ tiểu thuyết Chiến tranh và Hòa bình của Lev Tolstoi. Nhà văn Pháp Albert Camus (1913 - 1960),

tháng 4-1939, từng đánh giá cuốn Xứ Bahia của tất cả các vị thánh của Amado là một bộ tiểu thuyết hoành tráng làm ngây ngất lòng người. Camus viết thêm: Điều cuối cùng tôi muốn nói là Jorge Amado viết tác phẩm này khi mới 23 tuổi. Với cuốn Dona Flor và hai người chồng, ông Camus viết: Nó đã vượt qua câu chuyện đạo đức, câu chuyện tình yêu của nàng Dona Flor để trở thành cuộc chiến khùng khiếp giữa tinh thần và vật chất như chính lời Jorge Amado đã nói.

Giới thiệu tiểu thuyết “**Đất dữ**”.

Đất vốn hiền từ nhẫn nại nuôi sống con người từ thuở sơ khai, sở dĩ trở thành đất dữ bởi sống trên đó là những con người tham lam, sẵn sàng giết nhau vì thứ phúc lợi mà đất mang lại cho con người. Đất dữ của H.Amadô thuật lại tấn bi kịch của nền kinh tế cao, quá trình chiếm đất của bọn chủ đất phong kiến hồi đầu thế kỷ. Chính bọn chúng đã đẩy những cuộc tranh giành lãnh địa thành những cuộc chiến đẫm máu, nhưng nạn nhân cuối cùng lại là những người dân nghèo. Đất dữ còn là thông điệp của tác giả gửi tới loài người: Con người chỉ có thể sống tự do và bình đẳng khi mọi phúc lợi vật chất trên thế gian này đều được phân phối một cách công bằng.

3.2.2. Dòng văn học theo chủ nghĩa hiện thực huyền ảo Mĩ La tinh

Trong mấy thập kỉ cuối thế kỉ XX, giới nghiên cứu văn học châu Âu và vùng Mĩ La tinh đã có nhiều công nghiên cứu với những quan điểm lí giải khác nhau. Dưới đây chúng tôi lựa chọn một số ý kiến tiêu biểu.

Nhà phê bình P. Trigo (Venezuela) đánh giá văn xuôi Mĩ La tinh bằng công thức: “khát vọng hướng tới hiện thực được chuyển thành khát vọng hướng tới ngôn ngữ”. Nghĩa là, nhà văn muốn thâm nhập vào thực chất của sự vật thông qua hình thức của chúng. Họ hướng tới tính quái dị và tính siêu thực của chúng. Tiểu thuyết Mĩ La tinh đầy sức sống, không hướng tới nhân vật mà hướng tới tình huống, hoàn cảnh.

Nhà phê bình James Joy (Bắc Ailen) phác thảo ra 7 đặc điểm của văn xuôi Mĩ La tinh trong sự so sánh với tiểu thuyết hiện thực Tây Âu:

Nhà văn muốn và có ý thức tách khỏi tiểu thuyết Tây Âu thế kỉ XIX .

Họ tìm tòi táo bạo và thể nghiệm tác phẩm trong những tình huống đa dạng nhất, họ sử dụng lối kết cấu đa thanh, bố cục của nghệ thuật điện ảnh, dòng ý thức, lối đối thoại cùng một lúc.

Từ bỏ truyền thống ngôn ngữ vì phê bình chúng là bất lực và chỉ biết nhái lại thực tiễn, họ biến đổi ngôn ngữ văn xuôi rất mạnh dạn.

Nhà văn không chỉ đặt ra những vấn đề tư tưởng mà còn nêu ra những vấn đề thẩm mỹ nữa.

Theo họ, không có sự đối lập giữa thành thị và nông thôn.

Các nhân vật của họ không có tính định trước theo khuynh hướng hẹp hòi.

Nhà văn cố gắng miêu tả hình tượng hiện thực một cách trọn vẹn.

Nhà nghiên cứu Emir Rodrigues (Uruguay) thì nhận xét một cách thất vọng: “tiểu thuyết mới Mĩ La tinh là một cái không đồng nhất và không thể định nghĩa một

cách rành rọt về lí luận”. Ông cho rằng tiểu thuyết Mĩ La tinh đi theo “chủ nghĩa hiện sinh và chủ nghĩa hiện đại” (những khuynh hướng văn học Tây Âu nửa đầu thế kỉ XX hoặc “chủ nghĩa tự nhiên” cuối thế kỉ XIX).

Những năm cuối thế kỉ XX, các nhà nghiên cứu Âu Mĩ có nhiều cố gắng làm sáng tỏ đặc trưng của “tiểu thuyết mới Mĩ La tinh”. Nhà phê bình Fernandez Retama (Cuba) đã tuyên bố: “càng ngày càng thấy rõ rằng, không thể lí giải nó bằng những khái niệm cũ của những nền văn học khác”.

Và nhiều nhà nghiên cứu đã nêu lên những khái niệm mới “barokko mới” và “chủ nghĩa hiện thực huyền ảo” (huyền diệu).

Năm 1975, giảng bài tại Trường Đại học Tổng hợp Karakas (Venezuela), giáo sư nhà văn Cuba Carpentier đã cố gắng trình bày ngắn gọn hai khái niệm “tính barokko” và “chủ nghĩa hiện thực huyền ảo” và khẳng định đó là hai nhân tố quan trọng xác định một cách dứt khoát tính chất và nội dung của nghệ thuật Mĩ La tinh. Carpentier so sánh “Khác với phong cách Gotique, phong cách Roman và chủ nghĩa cổ điển vốn là những phong cách nghệ thuật có tính nhất thời về mặt lịch sử nghệ thuật, barokko mang tính phi thời gian, có tính tuyệt đối”. Chống lại những ý kiến nói về bản chất suy đồi của barokko, giáo sư nhấn mạnh: “Đó là nghệ thuật của sự vận động, của sự xung đột, nghệ thuật phục tùng sự ly tâm. Nó xuất hiện ở nơi nào có sự chuyên hoá và đổi mới.” Giáo sư đánh giá cao thánh đường Vasilij Blazhenyj ở nước Nga, “đó là một trong những mẫu mực tuyệt tác nhất của nghệ thuật Borokko Nga”.

Châu Mĩ là miền đất hứa của tính barokko vì châu lục này luôn luôn ở trong trạng thái vận động. Mỗi sự cộng sinh, mỗi cuộc lai giống đều trở thành mảnh đất màu mỡ cho sự nảy nở phong cách barokko. Có thể nói bản thân hiện thực Mĩ La tinh có tính barokko nên nghệ thuật của nó cũng mang tính barokko.

Tính Barokko mới là gì ?

Barokko tiếng Bồ Đào Nha là tên một thứ ngọc trai có hình thù kì dị. Nhìn từ các góc độ khác nhau thấy bề mặt rậm rạp, lấp lánh huyền ảo và kì thú.

Từ thế kỉ 16 và 17 đã xuất hiện trào lưu nghệ thuật tạo hình (kiến trúc, hội hoạ) gọi là Baroque nhằm chống lại lối kiến trúc Gothique. Nếu kiến trúc của Gothique có tính chất đường bệ cân đối vững chắc hài hoà lộng lẫy tĩnh lặng và vĩnh cửu thì kiến trúc Baroque coi trọng bề mặt, ưa tạo đường cong xoáy ốc, gợi ra sự vận động linh hoạt... Từ nghệ thuật kiến trúc, Baroque lan dần sang văn chương, âm nhạc, từ Tây Âu qua Nga tới Ấn Độ. Văn chương Baroque xuất hiện yếu ớt ở Italia, Tây Ban Nha, Bồ, Đức, Pháp... và chưa đủ sức trở thành một trào lưu và phương thức sáng tác đáng kể. Tuy vậy, khi mới bắt đầu nhen nhóm tính Baroque trong văn học thì văn học lãng mạn đi tiên phong với nhà văn Lope de Vega, Kalderon, Gogonru... mà theo Carpentier:

“Các nhà lãng mạn là những người hành động, những người tấn công, những người có sự vận động của ý chí, của sự tự khẳng định và phần nộ. Cảm hứng lãng mạn của Baroque là sự thể hiện cực kì phong phú của nền văn minh, nó bay bổng và bộc lộ cảm xúc mãnh liệt”.

Những tư tưởng của Carpentier được đa số giới phê bình nghiên cứu ủng hộ. Người ta tin rằng *tính Baroque* là một đặc điểm nổi bật của tiểu thuyết Mĩ La tinh. Đề tài “barokko và barokko mới” đã được thảo luận tại phiên họp đầu tiên của Hội nghị lần

thứ 27 của Viện Văn học thế giới (Mĩ) với hơn 50 bản tham luận. Mỗi người tham dự đưa ra một khái niệm Barokko theo ý riêng, do đó chưa thống nhất được.

Khuynh hướng phê phán chỉ trích “tiểu thuyết mới” thì cho rằng “hiện thực được phản ánh trong tiểu thuyết rất lộn xộn và do đó mang tính Baroque. Rằng đó là ví tác giả đã đem cấu trúc phi logic và phản thực tế, phá vỡ những mối liên hệ nhân quả và tuyến thời gian. Dẫn chứng các tiểu thuyết “Gia đình xa xôi” của Fuentaz, “Buổi hoà nhạc Barokko” của Carpentier và “Kí sự về một cái chết được báo trước” của G.Marquez.

Không có một nhà tiểu thuyết nào đến nay đã thể hiện được một cách đầy đủ tính cách của người công dân Tân thế giới (New World – châu Mĩ).

Nhà phê bình Natalia (người Mĩ) đã nêu được một hệ thống dấu hiệu tính Barokko của tiểu thuyết Mĩ La tinh như sau:

Sự tìm tòi tất cả những cái mới và cái lạ thường

Cường điệu phóng đại, thiên về ngoa dụ

Sự giả tạo và rối rắm về tư tưởng, hướng tới một thiếu số trí tuệ.

Cảm thụ rất chủ quan đối với hiện thực.

Sự rối rắm của phong cách

Văn thể hiện sự mất cân bằng về tinh thần, sự hư vô và sự thất vọng, bi quan.

Nhìn chung, đa số nhà nghiên cứu vẫn khẳng định giá trị của “Barokko mới”, như bà Rumb nhà nghiên cứu – giáo sư Đại học tổng hợp California – đã coi việc nắm bắt hiện thực trong toàn bộ chỉnh thể sâu sắc của nó là đặc điểm chủ yếu của barokko Mĩ La tinh. Bà khẳng định rằng “tính barokko đó không chỉ là sự coi trọng “sự vận động””. Thực chất, đó là một cái gì lớn lao hơn thế. Ý đồ nắm bắt dòng hiện thực sống động, mãnh liệt trong tính toàn vẹn của nó đã thôi thúc Carpentier, ông quan tâm đến cuộc sống trong mọi biểu hiện của nó. Ông đã đoạn tuyệt với cách viết tiểu thuyết hiện thực truyền thống.

Những quan niệm khác nhau về chủ nghĩa hiện thực huyền ảo

Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo (CHHTHA) là phương pháp, khuynh hướng, trường phái, thế giới quan hay phong cách? – Chưa có được một lời giải đáp thoả đáng cho những câu hỏi đó. Tuy vậy, nó vẫn được sử dụng trong phê bình văn học, thậm chí còn rộng rãi hơn trước. Mọi công trình nghiên cứu về các tác gia lớn như Carpentier (Cuba), GG. Marquez (Colombia), Ros Batoz (Brasil) đều phải dùng thuật ngữ “chủ nghĩa hiện thực huyền ảo” – magic realism.

Vinh dự của sự phát minh ra thuật ngữ này thuộc về nhà nghiên cứu nghệ thuật người Đức là Frans Roh. Năm 1925 ông đã dùng thuật ngữ này nói về hội họa của chủ nghĩa biểu hiện... Ở châu Mĩ La tinh, thuật ngữ này lần đầu tiên được sử dụng trong văn học là năm 1948 do nhà phê bình nổi tiếng Uslar Retri (người Venezuela) khi phân tích một trong những truyện ngắn. Ông nêu lên tính chất tổng hợp lạ thường giữa cái hiện thực và cái huyền ảo / bí ẩn. Nhà phê bình viết rằng: “Đó là cái không thể gọi bằng từ nào khác chủ nghĩa hiện thực huyền ảo”.

Nhà văn giáo sư Carpentier lại thôi thúc mạnh mẽ nhằm truyền bá thuật ngữ đó hơn ai hết. Trong Lời nói đầu cuốn tiểu thuyết *Vương quốc trần gian* của mình (năm 1949) ông đã nói đến cái “tính hiện thực của cái kì diệu” hoặc “hiện thực thần kì” .

Những công trình nghiên cứu văn học Mĩ La tinh gần cuối thế kỉ 20 về CNHTHA gồm 3 nhóm chính:

Nhóm thứ nhất

Nhóm ý kiến được phổ biến rộng hơn cả, cho rằng CHHTHA là một khuynh hướng văn học được phát triển trực tiếp từ chủ nghĩa siêu thực của văn học Pháp đầu thế kỉ 20. Bà Auor Ocampo – nhà nghiên cứu văn học người Mexico không những đã đặt cơ sở văn học sử mà còn đặt cơ sở sinh lí học cho CNHTHA. Trong bài tham luận, bà đưa ra những lời xác nhận của các bác sĩ thần kinh, tâm thần về vai trò chủ yếu của giấc mộng trong hoạt động cơ thể, rằng “giấc mộng là một trong những nhịp điệu chủ yếu của hoạt động sống”. Từ đó tác giả kết luận: “cả chủ nghĩa siêu thực lẫn CNHTHA đều nảy sinh trên mảnh đất của nó, đều là biểu hiện tính hiện thực của sự tồn tại con người. Khác nhau ở chỗ, chủ nghĩa siêu thực phù hợp với cái vô thức của cá nhân và tư tưởng Freud còn CNHTHA thì phù hợp với cái vô thức của tập thể và tư tưởng triết học Jung”. Nhà nghiên cứu **Langovski** nêu ra ảnh hưởng của chủ nghĩa siêu thực đối với toàn bộ tiểu thuyết Mĩ La tinh hiện đại, gồm các nội dung:

1. Tinh thần “nổi loạn” chống lại những quy tắc của tiểu thuyết Tây Âu.
2. Khát vọng tìm kiếm cái kì diệu khi đi sâu vào cái vô thức
3. Tính ẩn dụ nổi bật và tính hình tượng kèm theo sự rối rắm về cú pháp
4. Sự sùng bái tính phi lí của “hài hước đen”
5. Lối tự sự biến hiện thực thành phi hiện thực (thủ pháp)
6. Những biện pháp tu từ đặc biệt (hồi cô, montage / chồng chéo kiểu điện ảnh)
7. Việc sử dụng thời gian không tuyến (nhiều loại thời gian, đảo lộn, chồng chéo hình ảnh).

Nhóm thứ hai

Việc lí giải CNHTHA là sự kêu gọi trả lại ý nghĩa đúng đắn cho tiểu thuyết Mĩ La tinh và chỉ áp dụng thuật ngữ đó cho Mĩ La tinh. Nhóm này phát triển ý kiến của Capertier (không chấp nhận ảnh hưởng của chủ nghĩa siêu thực Pháp với tính hiện thực của cái kì diệu) rằng “thế giới của cái kì diệu, khi người ta định đưa nó vào cuộc sống với thái độ không tin ngưỡng như các nhà siêu thực đã làm bao nhiêu năm nay, đã và sẽ chỉ là một ảo thuật văn học”. James Roy và Pedro Trigo cho rằng: “tính hiện thực của cái kì diệu là thuộc tính riêng của tiểu thuyết Mĩ La tinh chứ không phải sự vay mượn những khám phá của chủ nghĩa hiện đại”. Đáng chú ý là cuốn sách của nhà nghiên cứu nhà văn Antonio Bravo (Peru) nêu lên tám bộ phận hợp thành của chủ nghĩa hiện thực huyền ảo gồm tựu trung hai nhân tố:

Niềm tin: người ta tin vào một cái gì đó mang tính siêu nhiên, nó giao kết với tín đồ. Sự giao kết ấy là cái kì diệu (niềm tin của nhà văn, của người đọc và của nhân vật vào cái kì diệu ấy).

Cảnh vật, lịch sử, các sự kiện được bao phủ bằng tấm màn bí ẩn huyền diệu. Antonio lại chia chúng ra ba phần:

1. Phong cảnh môi trường huyền bí.
2. Nhân vật:
 - Có những phẩm chất siêu nhân
 - Có hành động khác thường
 - Những người quan sát cái kì diệu và những người có niềm tin vào cái kì diệu.
3. Những sự kiện phi thường.

Tiếp đó tác giả lại áp dụng sơ đồ ấy vào ba cuốn tiểu thuyết tiêu biểu: “Trăm năm cô đơn” của G.G. Marquez, “Vương quốc trần gian” của Carpentier và “Pedro Paramo” của J. Russo. Antonio cho rằng đi theo chiều hướng “tính hiện thực của cái kì diệu” nhà văn không chỉ kết hợp cái có thực và cái kì diệu mà còn “đấu tranh với tính hiện thực”. Tác giả nhấn mạnh rằng “phóng đại, cường điệu là thủ pháp chủ yếu của cuộc đấu tranh với hiện thực, tức là cải tạo hiện thực bằng nghệ thuật”. Theo ông, tất cả những chủ đề chính của tiểu thuyết Mỹ La tinh hiện đại gồm: cái chết, tình yêu, du ngoạn, lòng căm thù, chính trị và sự cô đơn đều được xử lý bằng thủ pháp cường điệu phóng đại.

Nhóm thứ ba

Đây là cách tiếp cận “dân tộc học” được thể hiện trong luận án tiến sĩ của nhà nghiên cứu Ortiz Aponte (Puertorico) với tên đề tài là “CÁI SIÊU NHIÊN TRONG VĂN XUÔI MĨ LA TINH”. Nhà nữ nghiên cứu đã xuất phát từ một tiền đề hoàn toàn hợp lí: “nếu như trong tiểu thuyết Mỹ La tinh chứa đầy những cái kì diệu chính là vì trong thực tế có nhiều điều kì diệu”. Nhưng khác với Carpentier và những môn đồ của ông, bà quan niệm về những phạm trù “hiện thực” và “kì diệu” không phải với tất cả về dị dạng của nó mà là rất hẹp như một tầng nền của những tín ngưỡng cụ thể, những nghi lễ, huyền thoại, những cách thờ cúng còn giữ lại được cho đến ngày nay. Chính những tầng văn hoá còn được tồn tại ấy đã thăng hoa trong văn học dưới hình thức “chủ nghĩa hiện thực huyền diệu”. Luận án tiến sĩ này đã kết hợp phương pháp và tư liệu của hai bộ môn khoa học “dân tộc học” và “ngữ văn”. Phần đầu, tác giả điếm lại một cách tổng quát dưới dạng dân tộc học những phong tục thờ cúng đa dạng lưu truyền trên lãnh thổ châu Mỹ. Phần hai, bà thử đem chúng đối chiếu với những tác phẩm của các nhà văn tiêu biểu ở Mỹ La tinh.

Một tuyển tập luận văn của tác giả Francoise Perus (người Pháp quốc tịch Mexico) vừa được xuất bản được chú ý đặc biệt và được trao giải thưởng của nhà xuất bản Cuba Casa de Las America. Cuốn sách có vẻ biệt lập khác những công trình đã trình bày ở trên, được coi là theo khuynh hướng macxit – duy vật biện chứng trong công việc nghiên cứu văn học Mỹ La tinh. F. Perus xuất phát từ luận điếm cho rằng: trong lĩnh vực phê bình hiện đại vẫn đang diễn ra cuộc đấu tranh không ngừng giữa chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật. Luận điếm này đã dẫn bà tới cuộc bút chiến. Theo bà, những trào lưu duy tâm tập hợp xung quanh hai quan niệm chính: quan niệm thứ nhất dựa trên sự tuyệt đối hoá vai trò của cá tính sáng tác và phạm sai lầm tách chủ thể ra khỏi khách